

Số: 1482/QĐ-ĐHM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2026 của
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 389-TTg ngày 26/07/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Mở bán công Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg ngày 22/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐTĐHM ngày 28/07/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 14/NQ-HĐTĐHM ngày 12/04/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BGDĐT ngày 19/04/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về xác định số lượng chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và số lượng tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDĐH ngày 04/05/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng 2026;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-ĐHM ngày 10/04/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Biên bản họp số 541/BB-ĐHM ngày 05/03/2026 của Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2026;

Theo đề nghị của Trường khoa Đào tạo sau đại học, Trường phòng Quản lý đào tạo, Giám đốc Trung tâm đào tạo từ xa, Giám đốc Trung tâm đào tạo trực tuyến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Thông tin tuyển sinh sau đại học; Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo chính quy và Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thông tin tuyển sinh được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) theo đúng Quy chế hiện hành.



2/

Điều 3. Trường khoa Đào tạo sau đại học, Trường phòng Quản lý Đào tạo, Giám đốc Trung tâm đào tạo từ xa, Giám đốc Trung tâm đào tạo trực tuyến và Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT (04).

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Hà



THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

Hình thức đào tạo: Đào tạo từ xa; Kết hợp trực tiếp và từ xa
(Kèm theo Quyết định số 1482/QĐ-ĐHM ngày 29/05/2026 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh City Open University

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: MBS

3. Địa chỉ các trụ sở: Cơ sở Võ Văn Tần: 97 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở trực thuộc:

Cơ sở 1: 97 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 2: 35-37 Hồ Hảo Hớn, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 3: Khu Dân cư Nhơn Đức, xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 4: 02 Mai Thị Lựu, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 5: 68 Lê Thị Trung, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 6: 259/29 Quốc lộ 51, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai.

Cơ sở 7: 04 Tân Định, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Cơ sở 8: 311 – 319 Gia Phú, phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.oude.edu.vn/>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): <https://www.oude.edu.vn/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 18006119

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:
<https://www.oude.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Tuyển sinh đào tạo Kết hợp trực tiếp và từ xa đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương trở lên của Việt Nam, hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương, tính đến thời điểm xét tuyển.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Trường và Bộ GD&ĐT.



Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ).

1.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Thí sinh có kết quả điểm trung bình học tập chung cả năm các lớp 10, 11, 12 của các môn học có cùng tổ hợp xét tuyển với ngành đăng ký dự tuyển. Tổng điểm của các môn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 14,0$ điểm. Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2026, thí sinh phải đáp ứng ngưỡng đầu vào theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT.

- Mức điểm nhận đăng ký xét tuyển (ĐDKXT) là tổng điểm các môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 14 điểm trở lên (không bao gồm điểm ưu tiên). Mức điểm nhận đăng ký xét tuyển (ĐDKXT) được xác định như sau:

$$\text{ĐDKXT} = \text{Điểm TBM1} + \text{Điểm TBM2} + \text{Điểm TBM3}$$

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình môn học các môn trong tổ hợp xét tuyển (tính theo thang điểm 10) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành) và được làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm TBM1} + \text{Điểm TBM2} + \text{Điểm TBM3}) + \text{Điểm UT}$$

Trong đó:

+ ĐXT: Điểm xét tuyển;

+ Điểm TBM: Điểm trung bình học tập chung cả năm các lớp 10, 11, 12 của môn học (từ 1 đến 3) trong tổ hợp xét tuyển;

+ ĐUT: Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Đối với các ngành thuộc lĩnh vực pháp luật, ngưỡng đầu vào được quy định tại Điều 9, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, không trái với Quyết định 678/QĐ-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

- Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển được quy định tại Điều 7, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: $\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$.

- Điểm trúng tuyển xác định theo từng ngành (không phân biệt tổ hợp xét tuyển) và điểm xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Nếu ở mức trúng tuyển có nhiều thí sinh bằng điểm nhau dẫn đến vượt chỉ tiêu thì sẽ xét điểm của môn 1 trong tổ hợp môn xét tuyển và cũng xét từ điểm cao xuống thấp.

1.4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
	Kết hợp trực tiếp và từ xa đối với người đã tốt nghiệp THPT				520		
	Nhân văn				100		



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
1	7220201VH	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Điểm sàn: Anh $\geq 6/10$	Toán, Văn, Anh, Toán, Lý, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Sinh, Anh, Toán, Sử, Anh, Toán, Địa, Anh, Toán, GDKT&PL, Anh, Toán, Tin, Anh, Văn, Lý, Anh, Văn, Hóa, Anh, Văn, Sinh, Anh, Văn, Sử, Anh, Văn, Địa, Anh, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, Tin, Anh.
Kinh doanh và quản lý					290		
2	7340101VH	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	100		Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Anh, Toán, Hóa, Tin, Toán, Sinh, Anh, Toán, Anh, Tin, Toán, Văn, Lý, Toán, Văn, Hóa, Toán, Văn, Sinh, Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Tin.
3	7340201VH	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	45		
4	7340301VH	Kế toán	7340301	Kế toán	100		
5	7340403VH	Quản lý công	7340403	Quản lý công	45		Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Địa, Anh, Toán, Hóa, Tin, Toán, Anh, Tin, Toán, Hóa, CNCN, Toán, Lý, CNCN.
Pháp luật					60		
6	7380101VH	Luật	7380101	Luật	60		Văn, Toán, Anh, Văn, Toán, Sử, Văn, Toán, GDKT&PL, Văn, Sử, GDKT&PL,

Handwritten signature/initials

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
							Văn, Sử, Anh, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, Sử, Địa, Văn, Tin, GDKT&PL, Văn, Toán, Tin, Văn, Ngoại ngữ, Tin.
	Công nghệ kỹ thuật				40		
7	7510102VH	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	40		Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Tin, Toán, Văn, Tin, Toán, Anh, Tin.
	Dịch vụ xã hội				30		
8	7760101VH	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	30		Văn, Toán, Ngoại ngữ, Văn, Sử, Địa, Văn, Sử, Ngoại ngữ, Văn, Địa, Ngoại ngữ, Văn, Toán, GDKT&PL, Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ, Văn, Sử, GDKT&PL, Văn, Địa, GDKT&PL.

Ghi chú:

- Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật và Tiếng Hàn.

- Đối với ngành Luật, Luật kinh tế: Ngoại ngữ gồm Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nhật.

- GDKT&PL: môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

- CNCN: môn Công nghệ công nghiệp.

- CNNN: môn Công nghệ nông nghiệp.

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

b. Điểm cộng: Áp dụng quy định điểm cộng theo khu vực.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo.

d. Các thông tin khác.

1.6. Tổ chức tuyển sinh





- Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

- Thời gian tuyển sinh trong năm: đợt tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12.

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: Xem chi tiết quy định trong phần phương thức tuyển sinh của đề án.

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến tại <https://hoso.oude.edu.vn/dttx>. Sau khi hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến, thí sinh gửi bản sao có chứng thực của hồ sơ về Trường.

1.7. Chính sách ưu tiên

Trường áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và đối tượng cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0.75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0.5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0.25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2.0 điểm và nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1.0 điểm.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 điểm trở lên (khi quy về tổng điểm 3 môn tối đa là 30 điểm) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}.$$

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

1.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường, nộp ngay khi đăng ký dự tuyển.

1.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường.

1.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

1.10.1. Lưu ý khi đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh của Trường

Đối với các trường hợp thí sinh nhập sai thông tin (thông tin cá nhân, điểm học tập, ưu tiên...), nếu trong quá trình hậu kiểm sau khi nhập học nhà trường phát hiện các sai sót có ảnh hưởng đến kết quả xét tuyển, thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, nhà trường sẽ ra quyết định kỷ luật và buộc thôi học.

1.10.2. Về việc điều chỉnh chuyển chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức Kết hợp trực tiếp và từ xa

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức Kết hợp trực tiếp và từ xa được điều chỉnh giữa các đối tượng tốt nghiệp THPT, đối tượng tốt nghiệp cao đẳng và đối tượng tốt nghiệp đại học trong cùng một ngành; hoặc lĩnh vực,

Có thể được Hội đồng tuyển sinh xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế. Tuy nhiên việc điều chỉnh phải đảm bảo không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký Bộ GD&ĐT và công bố.

1.10.3. Thông tin tuyển sinh:



Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
<https://www.facebook.com/oude.edu.vn>;

Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 18006119

2. Tuyển sinh đào tạo Kết hợp trực tiếp và từ xa đối tượng tốt nghiệp đại học

2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ đại học trong nước, nếu của nước ngoài thì phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh¹ (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...): Xét tuyển

Xét tuyển hồ sơ theo kết quả học tập trình độ đại học đã có của thí sinh.

2.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Trường xét tuyển hồ sơ theo kết quả học tập của bằng đại học đã có của thí sinh: Điểm trung bình học tập của trình độ đại học từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) hoặc từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4), xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Trường hợp kết quả học tập được tính theo thang điểm 10, điểm xét tuyển (ĐXT) được quy đổi về thang điểm 4 (làm tròn đến 2 chữ số thập phân), theo công thức sau:

$$\text{ĐXT} = \frac{(\text{ĐTBHT} - 5) \times 2}{5} + 2$$

- Đối với các ngành thuộc lĩnh vực pháp luật, ngưỡng đầu vào được quy định tại Điều 9, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, không trái với Quyết định 678/QĐ-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

2.4. Số lượng tuyển sinh

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	Đào tạo Kết hợp trực tiếp và từ xa đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học				391		
	Nhân văn				140		
1	7220201VHB2	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	140	Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học	
	Kinh doanh và quản lý				166		
2	7340101VHB2	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	22	Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học	

¹ Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						học	
3	7340201VHB2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	52	Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học	
4	7340301VHB2	Kế toán	7340301	Kế toán	22	Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học	
5	7340403VHB2	Quản lý công	7340403	Quản lý công	70	Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học	
Pháp luật					55		
6	7380101VHB2	Luật	7380101	Luật	55	Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học	
Công nghệ kỹ thuật					30		
7	7510102VHB2	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	30	Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học	

2.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

b. Điểm cộng

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

d. Các thông tin khác.

2.6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian tuyển sinh trong năm: đợt tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12.

- Thời gian và hồ sơ xét tuyển đại học bằng thứ 2 hình thức Kết hợp trực tiếp và từ xa từng đợt theo thông báo tuyển sinh cụ thể của Trường.

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến tại <https://hoso.oude.edu.vn/dttx>. Sau khi hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến, thí sinh gửi bản sao có chứng thực của hồ sơ về Trường.

2.7. Chính sách ưu tiên

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường, nộp ngay khi đăng ký dự tuyển.

2.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi

Handwritten signature

chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường.

2.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

2.10.1. Lưu ý khi đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh của Trường

Đối với các trường hợp thí sinh nhập sai thông tin (thông tin cá nhân, điểm học tập, ưu tiên...), nếu trong quá trình hậu kiểm sau khi nhập học nhà trường phát hiện các sai sót có ảnh hưởng đến kết quả xét tuyển, thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, nhà trường sẽ ra quyết định kỷ luật và buộc thôi học.

2.10.2. Về việc điều chỉnh chuyển chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức Kết hợp trực tiếp và từ xa

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức Kết hợp trực tiếp và từ xa được điều chỉnh giữa các đối tượng tốt nghiệp THPT, đối tượng tốt nghiệp cao đẳng và đối tượng tốt nghiệp đại học trong cùng một ngành; hoặc lĩnh vực,

Có thể được Hội đồng tuyển sinh xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế. Tuy nhiên việc điều chỉnh phải đảm bảo không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký Bộ GD&ĐT và công bố.

2.10.3. Phương thức tổ chức lớp học

Thí sinh trúng tuyển được xếp lớp và tổ chức đào tạo tại Trường vào các buổi tối trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6; tại các đơn vị phối hợp (liên kết) đào tạo: Ngày thứ 7, chủ nhật. Được xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và miễn trừ các môn học đã được đào tạo tương đương theo quy định. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi tín chỉ không vượt quá 50 phần trăm (50%) tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo tại Trường.

2.10.4. Thông tin tuyển sinh:

Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

<https://www.facebook.com/oude.edu.vn>;

Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 18006119

2.10.5. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Địa chỉ trang thông tin công khai Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://www.oude.edu.vn/student/khao-sat-ty-le-sinh-vien-co-viec-lam-sau-mot-nam-tot-nghiep-77>.

3. Tuyển sinh đào tạo Kết hợp trực tiếp và từ xa đối tượng tốt nghiệp cao đẳng

3.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

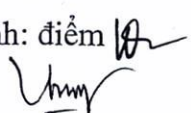
- Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng có thể học tiếp chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3.2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

Xét tuyển hồ sơ theo kết quả học tập trình độ cao đẳng đã có của thí sinh.

3.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Trường xét tuyển hồ sơ theo kết quả học tập trình độ cao đẳng đã có của thí sinh: điểm 

trung bình học tập trình độ Cao đẳng từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) hoặc từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4), xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Trường hợp kết quả học tập được tính theo thang điểm 10, điểm xét tuyển (ĐXT) được quy đổi về thang điểm 4 (làm tròn đến 2 chữ số thập phân), theo công thức sau:

$$\text{ĐXT} = \frac{(\text{ĐTBHT} - 5) \times 2}{5} + 2$$

- Đối với các ngành thuộc lĩnh vực pháp luật, ngưỡng đầu vào được quy định tại Điều 9, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, không trái với Quyết định 678/QĐ-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

3.4. Số lượng tuyển sinh

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	Đào tạo Kết hợp trực tiếp và từ xa đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng				69		
	Nhân văn				20		
1	7220201VHLTCĐ	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	20	Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng	
	Kinh doanh và quản lý				49		
2	7340101VHLTCĐ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	20	Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng	
3	7340201VHLTCĐ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	9	Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng	
4	7340301VHLTCĐ	Kế toán	7340301	Kế toán	20	Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng	

3.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển
- Điểm cộng
- Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)
- Các thông tin khác.

3.6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian tuyển sinh trong năm: đợt tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12.
- Thời gian và hồ sơ xét tuyển liên thông từ cao đẳng lên đại học hình thức Kết hợp trực tiếp và từ xa từng đợt theo thông báo tuyển sinh cụ thể của Trường.
- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến tại <https://hoso.oude.edu.vn/dttx>.

(Chữ ký)

Sau khi hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến, thí sinh gửi bản sao có chứng thực của hồ sơ về Trường.

3.7. Chính sách ưu tiên

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

3.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường, nộp ngay khi đăng ký dự tuyển.

3.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường.

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

3.10.1. Lưu ý khi đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh của Trường

Đối với các trường hợp thí sinh nhập sai thông tin (thông tin cá nhân, điểm học tập, ưu tiên...), nếu trong quá trình hậu kiểm sau khi nhập học nhà trường phát hiện các sai sót có ảnh hưởng đến kết quả xét tuyển, thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, nhà trường sẽ ra quyết định kỷ luật và buộc thôi học.

3.10.2. Về việc điều chỉnh chuyển chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức Kết hợp trực tiếp và từ xa

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức Kết hợp trực tiếp và từ xa được điều chỉnh giữa các đối tượng tốt nghiệp THPT, đối tượng tốt nghiệp Cao đẳng và đối tượng tốt nghiệp đại học trong cùng một ngành; hoặc lĩnh vực.

Có thể được Hội đồng tuyển sinh xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế. Tuy nhiên việc điều chỉnh phải đảm bảo không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký Bộ GD&ĐT và công bố.

3.10.3. Phương thức tổ chức lớp học

Thí sinh trúng tuyển được xếp lớp và tổ chức đào tạo tại Trường vào các buổi tối trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6; tại các đơn vị phối hợp (liên kết) đào tạo: Ngày thứ 7, chủ nhật. Được xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và miễn trừ các môn học đã được đào tạo tương đương theo quy định. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi tín chỉ không vượt quá 50 phần trăm (50%) tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo tại Trường.

3.10.4. Thông tin tuyển sinh:

Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh): <https://www.facebook.com/oude.edu.vn>;

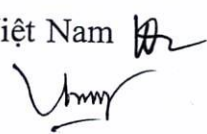
Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 18006119

3.10.5. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Địa chỉ trang thông tin công khai Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://www.oude.edu.vn/student/khao-sat-ty-le-sinh-vien-co-viec-lam-sau-mot-nam-tot-nghiep-77>.

4. Tuyển sinh đào tạo từ xa đối tượng tốt nghiệp THPT

4.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam 

(theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương, tính đến thời điểm xét tuyển;

- Thí sinh dự tuyển là công dân nước ngoài: có đủ điều kiện về trình độ văn hóa (có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên, đã được công nhận giá trị văn bằng của Sở GD&ĐT), đảm bảo các quy định theo quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam hiện hành.

Phạm vi tuyển sinh: Trường tổ chức tuyển sinh trong nước và quốc tế.

4.2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển (1/3 chỉ tiêu theo ngành)

- Xét tuyển theo kết quả điểm trung bình học tập chung các môn học (trong tổ hợp xét tuyển) ở Trung học phổ thông (THPT) cả năm các lớp 10, 11, 12.

- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng tuyển sinh quyết định tỷ lệ chỉ tiêu áp dụng kèm một số điều kiện bổ sung trong xét tuyển hoặc có quy định bổ sung khác nhưng vẫn đảm bảo chỉ tiêu chung theo ngành.

4.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Mức điểm nhận đăng ký xét tuyển (ĐĐKXT) là tổng điểm các môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 12 điểm trở lên (không nhân hệ số). Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2026, thí sinh phải đáp ứng ngưỡng đầu vào theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT. Mức điểm nhận đăng ký xét tuyển (ĐĐKXT) được xác định như sau:

$$\text{ĐĐKXT} = \text{Điểm TBM1} + \text{Điểm TBM2} + \text{Điểm TBM3}$$

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình môn học các môn trong tổ hợp xét tuyển (tính theo thang điểm 10) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành) và được làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm TBM1} + \text{Điểm TBM2} + \text{Điểm TBM3}) + \text{Điểm ƯT (nếu có)}$$

Trong đó:

+ ĐXT: Điểm xét tuyển;

+ Điểm TBM: Điểm trung bình học tập chung cả năm các lớp 10, 11, 12 của môn học (từ 1 đến 3) trong tổ hợp xét tuyển;

+ ĐƯT: Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Đối với các ngành thuộc lĩnh vực pháp luật, ngưỡng đầu vào được quy định tại Điều 9, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, không trái với Quyết định 678/QĐ-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

- Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển được quy định tại Điều 7, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$.

- Điểm trúng tuyển xác định theo từng ngành (không phân biệt tổ hợp xét tuyển) và điểm xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Nếu ở mức trúng tuyển có nhiều thí sinh bằng điểm nhau dẫn đến vượt chỉ tiêu thì sẽ xét điểm của môn 1 trong tổ hợp môn xét tuyển và cũng xét từ điểm cao xuống thấp.

4.4. Số lượng tuyển sinh

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng

dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
	Đào tạo từ xa				2370		
	Nhân văn				727		
1	7220201TX	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	400	Điểm sàn: Anh $\geq 6/10$	Xét tuyển tổ hợp: Toán, Văn, Anh, Toán, Lý, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Sinh, Anh, Toán, Sử, Anh, Toán, Địa, Anh, Toán, GDKT&PL, Anh, Toán, Tin, Anh, Văn, Lý, Anh, Văn, Hóa, Anh, Văn, Sinh, Anh, Văn, Sử, Anh, Văn, Địa, Anh, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, Tin, Anh.
2	7220204TX	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	310		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Trung, Văn, Lý, Anh, Văn, Lý, Trung, Văn, Hóa, Anh, Văn, Hóa, Trung, Văn, Sinh, Anh, Văn, Sinh, Trung, Văn, Sử, Anh, Văn, Sử, Trung, Văn, Địa, Anh, Văn, Địa, Trung, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, GDKT&PL, Trung, Văn, Tin, Anh, Văn, Tin, Trung.
3	7220210TX	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	17		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Hàn, Văn, Lý, Anh, Văn, Lý, Hàn, Văn, Hóa, Anh, Văn, Hóa, Hàn, Văn, Sinh, Anh, Văn, Sinh, Hàn, Văn, Sử, Anh, Văn, Sử, Hàn, Văn, Địa, Anh, Văn, Địa, Hàn,

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
							Văn, GD&ĐT&PL, Anh, Văn, GD&ĐT&PL, Hàn, Văn, Tin, Anh, Văn, Tin, Hàn.
Khoa học xã hội và hành vi					118		
4	7310101TX	Kinh tế	7310101	Kinh tế	17		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Địa, Anh, Toán, Hóa, Tin, Toán, Anh, Tin, Toán, Hóa, CNCN, Toán, Lý, CNCN.
5	7310301TX	Xã hội học	7310301	Xã hội học	37		Xét tuyển tổ hợp: Văn, Toán, Ngoại ngữ, Văn, Sử, Địa, Văn, Sử, Ngoại ngữ, Văn, Địa, Ngoại ngữ, Văn, Toán, GD&ĐT&PL, Văn, GD&ĐT&PL, Ngoại ngữ, Văn, Sử, GD&ĐT&PL, Văn, Địa, GD&ĐT&PL.
6	7310401TX	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	50		
7	7310620TX	Đông Nam Á học	7310620	Đông Nam Á học	14		
Kinh doanh và quản lý					929		
8	7340101TX	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	234		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Anh, Toán, Hóa, Tin, Toán, Sinh, Anh, Toán, Anh, Tin, Toán, Văn, Lý, Toán, Văn, Hóa, Toán, Văn, Sinh, Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Tin.
9	7340115TX	Marketing	7340115	Marketing	100		
10	7340120TX	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	100		
11	7340201TX	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	117		
12	7340301TX	Kế toán	7340301	Kế toán	184		
13	7340302TX	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	10		
14	7340404TX	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	100		
15	7340403TX	Quản lý công	7340403	Quản lý công	34		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Địa, Anh, Toán, Hóa, Tin, Toán, Anh, Tin,

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
							Toán, Hóa, CNCN, Toán, Lý, CNCN.
16	7340405TX	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	50		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Lý, Tin; Toán, Hóa, Anh; Toán, Hóa, Tin; Toán, Hóa, Sinh; Toán, Anh, Tin; Toán, Địa, Anh; Toán, Địa, Tin; Toán, CNCN, Anh; Toán, CNCN, Tin; Toán, CNNN, Anh; Toán, CNNN, Tin; Toán, Văn, Anh; Toán, Văn, Tin; Toán, Văn, Sinh; Toán, Sinh, Anh; Toán, Sinh, Tin.
	Pháp luật				352		
17	7380101TX	Luật	7380101	Luật	252		Xét tuyển tổ hợp: Văn, Toán, Anh, Văn, Toán, Sử, Văn, Toán, GDKT&PL, Văn, Sử, GDKT&PL, Văn, Sử, Anh, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, Sử, Địa, Văn, Tin, GDKT&PL, Văn, Toán, Tin, Văn, Ngoại ngữ, Tin.
18	7380107TX	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	100		
	Máy tính và công nghệ thông tin				55		

Chung

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
19	7480201TX	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	55		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Lý, Tin; Toán, Hóa, Anh; Toán, Hóa, Tin; Toán, Hóa, Sinh; Toán, Anh, Tin; Toán, Địa, Anh; Toán, Địa, Tin; Toán, CNCN, Anh; Toán, CNCN, Tin; Toán, CNNN, Anh; Toán, CNNN, Tin; Toán, Văn, Anh; Toán, Văn, Tin; Toán, Văn, Sinh; Toán, Sinh, Anh; Toán, Sinh, Tin.
Công nghệ kỹ thuật					71		
20	7510102TX	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	44		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Tin, Toán, Văn, Tin, Toán, Anh, Tin.
21	7510605TX	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	27		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Anh, Toán, Hóa, Tin, Toán, Anh, Tin, Toán, Địa, Anh, Toán, Địa, Tin, Toán, CNCN, Anh, Toán, CNCN, Tin, Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Tin.
Kiến trúc và xây dựng					34		
22	7580302TX	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	34		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Tin, Toán, Văn, Tin,

Handwritten signature

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
							Toán, Anh, Tin.
	Dịch vụ xã hội				50		
23	7760101TX	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	50		Xét tuyển tổ hợp: Văn, Toán, Ngoại ngữ, Văn, Sử, Địa, Văn, Sử, Ngoại ngữ, Văn, Địa, Ngoại ngữ, Văn, Toán, GD&ĐT&PL, Văn, GD&ĐT&PL, Ngoại ngữ, Văn, Sử, GD&ĐT&PL, Văn, Địa, GD&ĐT&PL.
	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân				34		
24	7810101TX	Du lịch	7810101	Du lịch	34		Xét tuyển tổ hợp: Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Văn, Anh, Toán, Sử, Văn, Toán, Sử, Anh, Toán, Địa, Văn, Toán, Địa, Anh, Toán, CNCN, Anh, Toán, CNCN, Tin, Toán, Anh, Tin.

Ghi chú:

- Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật và Tiếng Hàn.

- Đối với ngành Luật, Luật kinh tế: Ngoại ngữ gồm Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nhật.

- GD&ĐT&PL: môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

- CNCN: môn Công nghệ công nghiệp.

- CNNN: môn Công nghệ nông nghiệp.

4.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

b. Điểm cộng

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

d. Các thông tin khác.

4.6. Tổ chức tuyển sinh

- Việc tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa thực hiện liên tục trong năm. Mỗi năm tổ chức xét tuyển 6 đợt và nhà trường sẽ thông báo lịch trình chi tiết tuyển sinh cho từng đợt tuyển sinh trên các phương tiện thông tin.

- Trong trường hợp đã tuyển đủ số lượng sinh viên, nhà trường sẽ chủ động dừng tuyển



sinh và thông báo trên website của Trường.

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến tại <https://hoso.oude.edu.vn/dttx>. Sau khi hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến, thí sinh gửi bản sao có chứng thực của hồ sơ về Trường.

4.7. Chính sách ưu tiên

Trường áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và đối tượng cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0.75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0.5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0.25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2.0 điểm và nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1.0 điểm.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 điểm trở lên (khi quy về tổng điểm 3 môn tối đa là 30 điểm) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}.$$

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

4.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh: Không có.

4.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường.

4.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

4.10.1. Lưu ý khi đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh của Trường

Đối với các trường hợp thí sinh nhập sai thông tin (thông tin cá nhân, điểm học tập, ưu tiên...), nếu trong quá trình hậu kiểm sau khi nhập học nhà trường phát hiện các sai sót có ảnh hưởng đến kết quả xét tuyển, thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, nhà trường sẽ ra quyết định kỷ luật và buộc thôi học.

4.10.2. Về việc điều chỉnh chuyển chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa được điều chỉnh giữa các đối tượng xét tuyển trong cùng một ngành hoặc một lĩnh vực. Có thể được Hội đồng tuyển sinh xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế. Tuy nhiên việc điều chỉnh không được gây bất lợi và đảm bảo công bằng cho những thí sinh dự tuyển và phải đảm bảo không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký Bộ GD&ĐT và công bố.

4.10.3. Thông tin tuyển sinh:

Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
<https://www.facebook.com/oude.edu.vn>;

Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 18006119

4.10.4. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Địa chỉ trang thông tin công khai Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng

thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://www.oude.edu.vn/student/khao-sat-ty-le-sinh-vien-co-viec-lam-sau-mot-nam-tot-nghiep-77>.

5. Tuyển sinh đào tạo từ xa đối tượng tốt nghiệp đại học

5.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học trong nước, nếu của nước ngoài thì phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Thí sinh dự tuyển là công dân nước ngoài: có đủ điều kiện về trình độ văn hóa (có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên, đã được công nhận giá trị văn bằng của Cục Quản lý chất lượng Bộ GD&ĐT), đảm bảo các quy định theo quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam hiện hành.

Phạm vi tuyển sinh: Trường tổ chức tuyển sinh trong nước và quốc tế.

5.2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển (1/3 chỉ tiêu theo ngành)

- Xét tuyển hồ sơ theo kết quả học tập trình độ đại học đã có của thí sinh.

- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng tuyển sinh quyết định tỷ lệ chỉ tiêu áp dụng kèm một số điều kiện bổ sung trong xét tuyển hoặc có quy định bổ sung khác nhưng vẫn đảm bảo chỉ tiêu chung theo ngành.

5.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo điểm trung bình học tập trình độ đại học. Ngưỡng xét tuyển từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) hoặc từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4), điểm trúng tuyển xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Trường hợp kết quả học tập được tính theo thang điểm 10, điểm xét tuyển (ĐXT) được quy đổi về thang điểm 4 (làm tròn đến 2 chữ số thập phân), theo công thức sau:

$$\text{ĐXT} = \frac{(\text{ĐTBHT} - 5) \times 2}{5} + 2$$

- Đối với các ngành thuộc lĩnh vực pháp luật, ngưỡng đầu vào được quy định tại Điều 9, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, không trái với Quyết định 678/QĐ-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

5.4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
	Đào tạo từ xa				2362		
	Nhân văn				727		
1	7220201TXVB2	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	400		Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học
2	7220204TXVB2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	310		
3	7220210TXVB2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	17		
	Khoa học xã hội và hành vi				117		
4	7310101TXVB2	Kinh tế	7310101	Kinh tế	17		Xét tuyển kết

Handwritten signature

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
5	7310301TXVB2	Xã hội học	7310301	Xã hội học	37		quả học tập trình độ đại học
6	7310401TXVB2	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	50		
7	7310620TXVB2	Đông Nam Á học	7310620	Đông Nam Á học	13		
Kinh doanh và quản lý					926		
8	7340101TXVB2	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	233		Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học
9	7340115TXVB2	Marketing	7340115	Marketing	100		
10	7340120TXVB2	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	100		
11	7340201TXVB2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	117		
12	7340301TXVB2	Kế toán	7340301	Kế toán	183		
13	7340302TXVB2	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	10		
14	7340404TXVB2	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	100		
15	7340403TXVB2	Quản lý công	7340403	Quản lý công	33		
16	7340405TXVB2	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	50		
Pháp luật					351		
17	7380101TXVB2	Luật	7380101	Luật	251		Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học
18	7380107TXVB2	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	100		
Máy tính và công nghệ thông tin					55		
19	7480201TXVB2	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	55		Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học
Công nghệ kỹ thuật					70		
20	7510102TXVB2	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	43		Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học
21	7510605TXVB2	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	27		
Kiến trúc và xây dựng					33		
22	7580302TXVB2	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	33		Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học
Dịch vụ xã hội					50		
23	7760101TXVB2	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	50		Xét tuyển kết quả học tập trình độ đại học
Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân					33		
24	7810101TXVB2	Du lịch	7810101	Du lịch	33		Xét tuyển kết

Handwritten signature

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
							qua học tập trình độ đại học

5.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển
- Điểm cộng
- Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)
- Các thông tin khác.

5.6. Tổ chức tuyển sinh

- Việc tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa thực hiện liên tục trong năm. Mỗi năm tổ chức xét tuyển 6 đợt và nhà trường sẽ thông báo lịch trình chi tiết tuyển sinh cho từng đợt tuyển sinh trên các phương tiện thông tin.

- Trong trường hợp đã tuyển đủ số lượng sinh viên, nhà trường sẽ chủ động dừng tuyển sinh và thông báo trên website của Trường.

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến tại <https://hoso.oude.edu.vn/dttx>. Sau khi hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến, thí sinh gửi bản sao có chứng thực của hồ sơ về Trường.

5.7. Chính sách ưu tiên

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

5.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh: Không có.

5.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường.

5.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

5.10.1. Lưu ý khi đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh của Trường

Đối với các trường hợp thí sinh nhập sai thông tin (thông tin cá nhân, điểm học tập, ưu tiên...), nếu trong quá trình hậu kiểm sau khi nhập học nhà trường phát hiện các sai sót có ảnh hưởng đến kết quả xét tuyển, thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, nhà trường sẽ ra quyết định kỷ luật và buộc thôi học.

5.10.2. Về việc điều chỉnh chuyển chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa được điều chỉnh giữa các đối tượng xét tuyển trong cùng một ngành hoặc một lĩnh vực. Có thể được Hội đồng tuyển sinh xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế. Tuy nhiên việc điều chỉnh không được gây bất lợi và đảm bảo công bằng cho những thí sinh dự tuyển và phải đảm bảo không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký Bộ GD&ĐT và công bố.

5.10.3. Thông tin tuyển sinh:

Handwritten signature

Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
<https://www.facebook.com/oude.edu.vn>;

Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 180061119.

5.10.4. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Địa chỉ trang thông tin công khai Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://www.oude.edu.vn/student/khao-sat-ty-le-sinh-vien-co-viec-lam-sau-mot-nam-tot-nghiep-77>.

6. Tuyển sinh đào tạo từ xa đối tượng tốt nghiệp cao đẳng

6.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng có thể học tiếp chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp;

- Thí sinh dự tuyển là công dân nước ngoài: có đủ điều kiện về trình độ văn hóa (có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên, đã được công nhận giá trị văn bằng của Cục Quản lý chất lượng Bộ GD&ĐT), đảm bảo các quy định theo quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam hiện hành.

Phạm vi tuyển sinh: Trường tổ chức tuyển sinh trong nước và quốc tế.

6.2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển (1/3 chỉ tiêu theo ngành)

- Xét tuyển hồ sơ theo kết quả học tập trình độ cao đẳng đã có của thí sinh.

- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng tuyển sinh quyết định tỷ lệ chỉ tiêu áp dụng kèm một số điều kiện bổ sung trong xét tuyển hoặc có quy định bổ sung khác nhưng vẫn đảm bảo chỉ tiêu chung theo ngành.

6.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo điểm trung bình học tập trình độ cao đẳng. Ngưỡng xét tuyển từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) hoặc từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4), điểm trúng tuyển xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Trường hợp kết quả học tập được tính theo thang điểm 10, điểm xét tuyển (ĐXT) được quy đổi về thang điểm 4 (làm tròn đến 2 chữ số thập phân), theo công thức sau:

$$\text{ĐXT} = \frac{(\text{ĐTBHT} - 5) \cdot 2}{5} + 2$$

- Đối với các ngành thuộc lĩnh vực pháp luật, ngưỡng đầu vào được quy định tại Điều 9, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, không trái với Quyết định 678/QĐ-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

6.4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
	Đào tạo từ xa				2357		
	Nhân văn				726		
1	7220201TXCĐ	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	400		Xét tuyển kết quả học tập

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
2	7220204TXCĐ	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	310		trình độ cao đẳng
3	7220210TXCĐ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	16		
	Khoa học xã hội và hành vi				115		
4	7310101TXCĐ	Kinh tế	7310101	Kinh tế	16		Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng
5	7310301TXCĐ	Xã hội học	7310301	Xã hội học	36		
6	7310401TXCĐ	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	50		
7	7310620TXCĐ	Đông Nam Á học	7310620	Đông Nam Á học	13		
	Kinh doanh và quản lý				925		
8	7340101TXCĐ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	233		Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng
9	7340115TXCĐ	Marketing	7340115	Marketing	100		
10	7340120TXCĐ	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	100		
11	7340201TXCĐ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	116		
12	7340301TXCĐ	Kế toán	7340301	Kế toán	183		
13	7340302TXCĐ	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	10		
14	7340404TXCĐ	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	100		
15	7340403TXCĐ	Quản lý công	7340403	Quản lý công	33		
16	7340405TXCĐ	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	50		
	Pháp luật				351		
17	7380101TXCĐ	Luật	7380101	Luật	251		Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng
18	7380107TXCĐ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	100		
	Máy tính và công nghệ thông tin				55		
19	7480201TXCĐ	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	55		Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng
	Công nghệ kỹ thuật				69		
20	7510102TXCĐ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	43		Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng
21	7510605TXCĐ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	26		
	Kiến trúc và xây dựng				33		
22	7580302TXCĐ	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	33		Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng
	Dịch vụ xã hội				50		

Umy

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Ghi chú	Phương thức tuyển sinh
23	7760101TXCĐ	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	50		Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng
Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân					33		
24	7810101TXCĐ	Du lịch	7810101	Du lịch	33		Xét tuyển kết quả học tập trình độ cao đẳng

6.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển
- Điểm cộng
- Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)
- Các thông tin khác.

6.6. Tổ chức tuyển sinh

- Việc tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa thực hiện liên tục trong năm. Mỗi năm tổ chức xét tuyển 6 đợt và nhà trường sẽ thông báo lịch trình chi tiết tuyển sinh cho từng đợt tuyển sinh trên các phương tiện thông tin.

- Trong trường hợp đã tuyển đủ số lượng sinh viên, nhà trường sẽ chủ động dừng tuyển sinh và thông báo trên website của Trường.

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến tại <https://hoso.oude.edu.vn/dttx>. Sau khi hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến, thí sinh gửi bản sao có chứng thực của hồ sơ về Trường.

6.7. Chính sách ưu tiên

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

6.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh: Không có.

6.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường.

6.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

6.10.1. Lưu ý khi đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh của Trường

Đối với các trường hợp thí sinh nhập sai thông tin (thông tin cá nhân, điểm học tập, ưu tiên...), nếu trong quá trình hậu kiểm sau khi nhập học nhà trường phát hiện các sai sót có ảnh hưởng đến kết quả xét tuyển, thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, nhà trường sẽ ra quyết định kỷ luật và buộc thôi học.

6.10.2. Về việc điều chỉnh chuẩn chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa được điều chỉnh giữa các đối tượng xét tuyển trong cùng một ngành hoặc một lĩnh vực. Có thể được Hội đồng tuyển sinh xem xét điều chỉnh tùy

theo tình hình thực tế. Tuy nhiên việc điều chỉnh không được gây bất lợi và đảm bảo công bằng cho những thí sinh dự tuyển và phải đảm bảo không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký Bộ GD&ĐT và công bố.

6.10.3. Thông tin tuyển sinh:

Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
<https://www.facebook.com/oude.edu.vn>;

Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 18006119.

6.10.4. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Địa chỉ trang thông tin công khai Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://www.oude.edu.vn/student/khao-sat-ty-le-sinh-vien-co-viec-lam-sau-mot-nam-tot-nghiep-77>.



11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1	7220201TX	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển	1,100	1,125	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	1,250	1,060	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
2	7220204TX	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Xét tuyển	850	774	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	850	788	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
3	7220210TX	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Xét tuyển	50		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	130		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
4	7310101TX	Kinh tế	7310101	Kinh tế	Xét tuyển	100		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4			12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
5	7310301TX	Xã hội học	7310301	Xã hội học	Xét tuyển	100	44	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	100	29	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
6	7310401TX	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	Xét tuyển			12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	150		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
7	7310620TX	Đông Nam Á học	7310620	Đông Nam Á học	Xét tuyển	50		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	50		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
8	7340101TX	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển	800	625	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	850	576	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
9	7340115TX	Marketing	7340115	Marketing	Xét tuyển	300	239	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	310	220	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
10	7340120TX	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	Xét tuyển	300	234	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	349	190	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
11	7340201TX	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Xét tuyển	300	266	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	280	266	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4

Ung

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
12	7340301TX	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển	500	512	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	555	456	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
13	7340302TX	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	Xét tuyển	100	14	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	50		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
14	7340403TX	Quản lý công	7340403	Quản lý công	Xét tuyển	120		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	150		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
15	7340404TX	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	Xét tuyển	250	243	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	280	215	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
16	7380101TX	Luật	7380101	Luật	Xét tuyển	1,100	529	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	1,100	1,066	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
17	7380107TX	Luật Kinh tế	7380107	Luật Kinh tế	Xét tuyển	300	271	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	336	272	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
18	7420201TX	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển	100		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	50		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
19	7480101TX	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	Xét tuyển			12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	50		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
20	7480201TX	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển	150	150	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	100	22	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
21	7510102TX	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng	7510102	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng	Xét tuyển	150	103	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	250	64	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
22	7510605TX	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Xét tuyển	50		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	100		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
23	7540101TX	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển	50		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	50		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4

Thư

Thư

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
24	7580302TX	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	Xét tuyển	150	31	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	60	58	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
25	7760101TX	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	Xét tuyển	150	21	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	120		12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
26	7810101TX	Du lịch	7810101	Du lịch	Xét tuyển	120	49	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4	260	63	12/thang điểm 30 hoặc 2/thang điểm 4
28	7220201VH	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển	100	5	14/thang điểm 30	64	18	14/thang điểm 30
29	7340101VH	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển	110		14/thang điểm 30	140		14/thang điểm 30
30	7340201VH	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Xét tuyển	49		14/thang điểm 30	30		14/thang điểm 30
31	7340301VH	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển	150		14/thang điểm 30	86	7	14/thang điểm 30
32	7380101VH	Luật	7380101	Luật	Xét tuyển	60	60	14/thang điểm 30	60	56	14/thang điểm 30
33	7510102VH	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng	7510102	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng	Xét tuyển	45		14/thang điểm 30	45		14/thang điểm 30
34	7760101VH	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	Xét tuyển	30		14/thang điểm 30	30		14/thang điểm 30
36	7220201VHB2	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển	137	24	2/thang điểm 4	120	44	2/thang điểm 4
37	7340101VHB2	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển	110		2/thang điểm 4	140		2/thang điểm 4
38	7340201VHB2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Xét tuyển	48		2/thang điểm 4	30		2/thang điểm 4
39	7340301VHB2	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển	150		2/thang điểm 4	86	8	2/thang điểm 4
40	7380101VHB2	Luật	7380101	Luật	Xét tuyển	54	31	2/thang điểm 4	54	50	2/thang điểm 4
41	7510102VHB2	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng	7510102	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng	Xét tuyển	36		2/thang điểm 4	40		2/thang điểm 4

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
43	7220201VHLTCĐ	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển	20	1	2/thang điểm 4	13	12	2/thang điểm 4
44	7340101VHLTCĐ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển	22		2/thang điểm 4	28		2/thang điểm 4
45	7340201VHLTCĐ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Xét tuyển	9		2/thang điểm 4	6		2/thang điểm 4
46	7340301VHLTCĐ	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển	30		2/thang điểm 4	17	17	2/thang điểm 4
Tổng cộng						8,400	5,351		8,819	5,557	

Cán bộ tuyển sinh:

Trần Thị Lệ Quyên

E-mail: Quyen.ttl@ou.edu.vn

ĐT: 18006119

Handwritten signature